

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo.

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của đơn vị

- Địa chỉ: Số 170 Cửa Đại, Phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Điện thoại: 0235.3622.243.

- Hộp thư điện tử: thpttranhungdao.qnam2020@gmail.com.

- Website: <https://thpttranhungdaohoian.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Cơ sở giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường

4.1. Sứ mệnh

Xây dựng một môi trường học tập dân chủ, kỷ cương, tiên tiến. Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi học sinh phát triển toàn diện, phát huy tiềm năng, tự tin, tự chủ, sáng tạo; tạo nền tảng vững chắc để học sinh có thể đi vào lao động hoặc tiếp tục học tập để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường THPT Trần Hưng Đạo trở thành trường có chất lượng tốt; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập, rèn luyện và là nơi để giáo viên thực hiện khát vọng vươn lên.

4.3. Giá trị cốt lõi

- Dân chủ - Kỷ cương
- Tình thương - Trách nhiệm
- Chăm chỉ - Vượt khó
- Đổi mới - Sáng tạo
- Trung thực - Tự trọng

4.4. Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”.

4.5. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, thành thạo về nghiệp vụ; đoàn kết, thống nhất, không ngại khó khăn, năng động, sáng tạo; tâm huyết với nghề, với trường, với học sinh.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống.

Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, hạnh phúc. Học sinh được tạo điều kiện tốt nhất để học tập, rèn luyện và phát triển năng lực của bản thân.

Phát triển nhà trường về mọi mặt, trở thành trường có chất lượng giáo dục cao của tỉnh Quảng Nam.

4.6. Mục tiêu cụ thể

4.6.1. Mục tiêu ngắn hạn

Củng cố các tiêu chí để tự đánh giá kiểm định đạt cấp độ 1 vào năm 2027. Giữ vững chất lượng 2 mặt giáo dục; nâng cao chất lượng tham gia các kỳ thi, hội thi học sinh giỏi, năng khiếu cấp tỉnh; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT bằng hoặc cao hơn tỉ lệ bình quân của tỉnh.

4.6.2. Mục tiêu trung hạn

Phấn đấu đến năm 2027:

- Trường được đánh giá ngoài đạt cấp độ 1.
- Chất lượng giáo dục nằm trong top 10 trên bảng xếp hạng các trường THPT của tỉnh Quảng Nam.
- Nhà trường luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên.

4.6.3. Mục tiêu dài hạn

Đến năm 2030:

- Trường được đánh giá ngoài đạt chuẩn cấp độ 2.
- Chất lượng giáo dục được khẳng định trong top 10 trường có chất lượng cao trong Tỉnh.
- Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng khác.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

Trường THPT Trần Hưng Đạo được UBND tỉnh Quảng Nam ra quyết định thành lập: Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Trần Hưng Đạo, tỉnh Quảng Nam.

Trải qua 15 năm thành lập và phát triển trong điều kiện khó khăn về nhiều mặt nhưng Thầy và Trò nhà trường đã không ngừng nỗ lực, vượt khó để thực hiện nhiệm vụ dạy, học, giáo dục, công tác; từng bước tạo nên những thay đổi tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục và các mặt hoạt động.

6. Thông tin người đại diện pháp luật (Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

- Họ và tên: Nguyễn Quang - Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Hưng Đạo, Số 170 Cửa Đại, Phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: 0905950601
- Thư điện tử: quangnguyenthd@gmail.com

- Mail công vụ: quangn1@quangnam.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục đối với đơn vị:

- Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Trần Hưng Đạo, tỉnh Quảng Nam.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

- Quyết định số 2014/QĐ-SGDDT ngày 28/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về việc công nhận Hội đồng trường Trường THPT Trần Hưng Đạo nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 1719/QĐ-SGDDT ngày 20/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Trần Hưng Đạo, nhiệm kỳ 2021- 2026.

- Quyết định số 1724/QĐ-SGDDT ngày 23/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT Trần Hưng Đạo nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường Trường THPT Trần Hưng Đạo nhiệm kỳ 2021-2026:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Quang	Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Lanh	Phó Chủ tịch UBND thành phố	
3	Trương Quốc Đại	Phó Hiệu trưởng	
4	Nguyễn Thị Lan	Phó Hiệu trưởng	
5	Phan Minh Khuê	Chủ tịch Công đoàn	
6	Nguyễn Hồng Ánh	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
7	Trần Văn Nhó	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Trần Thanh Cường	Tổ trưởng chuyên môn	
9	Trần Thị Thu Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	
10	Nguyễn Thị Thu Dung	Tổ trưởng chuyên môn	
11	Nguyễn Đỗ Tường Vy	Tổ trưởng Văn phòng	
12	Hồ Tấn Phúc	Thư ký Hội đồng	
13	Ngô Đức	Trưởng Ban TTND	
14	Nguyễn Đình Một	Trưởng Ban ĐD Cha mẹ học sinh	
15	Ngô Nhã Uyên	Đại diện học sinh	

- c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:
- Quyết định số 289/QĐ-SGDĐT ngày 26/02/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về việc bổ nhiệm viên chức quản lý (Hiệu trưởng).
 - Quyết định số 1957/QĐ-SGDĐT, ngày 31/12/2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý (Phó Hiệu trưởng).
 - Quyết định số 1361/QĐ-SGDĐT, ngày 09/8/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về việc bổ nhiệm viên chức quản lý (Phó Hiệu trưởng).
- d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:
- Quyết định số 01/QĐ-THPTTHĐ ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo về việc phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo năm học 2024-2025.
- đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):
- Quyết định số 02/QĐ-THPTTHĐ ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo về việc thành lập các tổ chuyên môn, năm học 2024-2025.
 - Quyết định số 03/QĐ-THPTTHĐ ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo về việc thành lập tổ văn phòng, năm học 2024-2025.
- e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của đơn vị:

STT	Họ và tên	Email	Điện thoại	Chức vụ
1	Nguyễn Quang	quangnguyenthđ@gmail.com	0905950601	Hiệu trưởng
2	Trương Quốc Đại	truongquocdaithđ@gmail.com	0905428097	Phó hiệu trưởng
3	Nguyễn Thị Lan	nguyenthilanthđ79@gmail.com	09821220254	Phó hiệu trưởng
4	Phan Minh Khuê	minhkhuephan80879@gmail.com	0913000955	Chủ tịch CĐ
5	Nguyễn Hồng Ánh	nguyenanh0101qn@gmail.com	0934800118	Bí thư Đoàn
6	Huỳnh Tấn Trung	huynhtantrung1@gmail.com	0987646653	Chủ tịch Hội CTĐ
7	Nguyễn Đỗ Tường Vy	nguyentuongvy241@gmail.com	0367905377	Tổ trưởng VP
8	Trần Thị Thu Thủy	thuythuy@gmail.com	0905732155	Tổ trưởng Ngữ văn- Tiếng Anh
9	Nguyễn Thị Thu Dung	dung86.thđ@gmail.com	0905549683	Tổ trưởng Lí - Hóa- Sinh- Âm nhạc-Mĩ Thuật
10	Trần Thanh Cường	thanhcuongthđ@gmail.com	0386692371	Tổ trưởng Sử - Địa-GDKTPL-GDTC-GDQPAN
11	Trần Văn Nhó	Tranvannho.thptqs@gmail.com	0905338669	Tổ trưởng Toán - Tin

8. Các văn bản khác của đơn vị: Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ ở cơ sở; các quy định, quy chế nội bộ khác

TT	Tên văn bản	Ký hiệu	Ngày tháng	Người ký	Chức vụ
1	Kế hoạch	38/KH-THPTTHĐ	09/9/2024	Nguyễn Quang	Hiệu trưởng
2	Quyết định	62/QĐ-THPTTHĐ	21/10/2024	Nguyễn Quang	Hiệu trưởng
3	Quyết định	63/QĐ-THPTTHĐ	21/10/2024	Nguyễn Quang	Hiệu trưởng
4	Quyết định	64/QĐ-THPTTHĐ	21/10/2024	Nguyễn Quang	Hiệu trưởng
5	Quyết định	102/QĐ-THPTTHĐ	10/01/2025	Nguyễn Quang	Hiệu trưởng

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Vị trí việc làm, chức danh NN	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng năm 2024	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	Chính trị	Chuyên môn
			Tổng số														
I	Giáo viên	53	0	05	48	0	0	0	49	4	0	0	53	0	0		
1	Toán	09		01	08				09				09				
2	Tin	02			02				02				02				
3	Lý	04			04				04				04				
4	Hóa	04		01	03				04				04				
5	Văn	08		01	07				08				08				
6	Sử - GDCD	06		01	04				04	01			04				
7	Địa	03			03				03				03				
8	Sinh	03			04				03	01			04				
9	TD-QP	06			06				05	01			06				
10	Tiếng Anh	06		01	05				06	01			06				
11	Âm nhạc	01			01												
12	Mỹ Thuật	01			01												
II	Cán bộ quản lý																
1	Hiệu trưởng	01			01				01				01				

2	Phó hiệu trưởng	02		01	01				01	01			02				
III	Nhân viên																
1	Văn thư	01			01				01								
2	Kế toán	01			01												
3	Thủ quỹ	0															
4	Y tế	0															
5	Thư viện	0			0												
6	Thiết bị, thí nghiệm	01			01												
7	Hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0															
8	Quản trị công sở	0			0												
9	Tư vấn																

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Thực trạng	So với chuẩn tối thiểu
I	Tổng số diện tích đất (m²)	9.418m ²		
II	Phòng học và phòng chức năng			
1	Phòng học	14	Xây dựng hơn 30 năm trước đây là cơ sở của trường THCS nên nhỏ hẹp hiện nay xuống cấp trầm trọng	Không đảm bảo
2	Phòng học bộ môn	04	Xây dựng hơn 30 năm trước đây là cơ sở của trường THCS nên nhỏ hẹp không quy chuẩn hiện nay xuống cấp trầm trọng	Không đảm bảo
3	Thư viện	1		
4	Phòng Đoàn	1	Được sử dụng của phòng thư viện	Không đảm bảo
5	Phòng y tế	1	Được ngăn một phần của phòng thực hành Lý	Không đảm bảo
6	Phòng kế toán	1	Nhỏ hẹp, xuống cấp	Không đảm bảo
7	Phòng tiếp dân – Chi bộ	0		Không đảm bảo
8	Phòng Hội đồng	1	Nhỏ hẹp, xuống cấp	Không đảm bảo

9	Văn phòng- Giáo vụ	1	Nhỏ hẹp, xuống cấp	Không đảm bảo
10	Phòng Hiệu trưởng	1	Nhỏ hẹp, xuống cấp	Không đảm bảo
11	Phòng Phó hiệu trưởng	2	Nhỏ hẹp, xuống cấp	Không đảm bảo
12	Phòng bảo vệ	1		
13	Hội trường	1	Nhỏ hẹp	Không đảm bảo
III	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.675m ²	Chưa được xây dựng, sân đất	Không đảm bảo
IV	Kho dụng cụ, thiết bị			
1	Kho chung	1	Nhỏ hẹp, xuống cấp tận dụng kho bộ môn của vật lý	Không đảm bảo
2	Kho dụng cụ GDQP	1	Tận dụng cầu thang- nhỏ hẹp	Không đảm bảo
3	Kho GDTC	1	Tận dụng cầu thang- nhỏ hẹp	Không đảm bảo
4	Kho thiết bị dạy học	1	Nhỏ hẹp	Không đảm bảo
V	Khu nội trú giáo viên	0 phòng		
VI	Nhà vệ sinh	3		
1	Nhà vệ sinh giáo viên	2	Nhà vệ sinh giáo viên nam xuống cấp quá tải, không đáp ứng nhu cầu	Không đảm bảo
2	Nhà vệ sinh học sinh	2	Nhà vệ sinh học sinh nam quá tải	Không đảm bảo
VIII	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	Nước thủy cục	Đảm bảo
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	Hoạt động tốt	Đảm bảo
3	Kết nối internet	Cố định và không dây	Hoạt động tốt	Đảm bảo
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	Hoạt động tốt	Đảm bảo
5	Tường rào, cổng	1	Xuống cấp nhiều chỗ bị rạn nứt	Không đảm bảo

2. Máy móc, thiết bị

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng:

TT	Danh mục	Định mức	Hiện có
1	Bàn ghế chỗ ngồi học sinh	23 bộ/phòng	408
2	Bàn ghế giáo viên	1 bộ/phòng	20

3	Bảng chống lóa	1 cái/phòng	14
4	Ti vi	1 cái/phòng	14
5	Phòng vi tính		
	Máy vi tính	40 bộ/phòng	1
	Bàn ghế HS	40 bộ/phòng	27
	Máy chiếu	1 bộ	0
	Máy tính cho giáo viên	1 bộ/phòng	01
	Bàn ghế giáo viên	1 bộ/phòng	01
	Thiết bị mạng	1 bộ/phòng	2
6	Thư viện		
	Bàn ghế	10 bộ	10
	Giá sách	10	10
	Tủ	5	3
	Phần mềm	1	0
	Máy vi tính	5	1
7	Bàn ghế phòng HĐ	50	20
8	Ti vi dùng chung	2	1
9	Hệ thống âm thanh	2	1
10	Âm thanh di động	2	2
11	Camera	1	4
12	Máy phát điện	1	0
13	Máy photocopy	1	1
14	Máy scan	2	0
15	Hệ thống máy lọc nước	3	1
16	Hệ thống chấm trắc nghiệm	3	1
17	Thiết bị thực hành trắc nghiệm	1	0
18	Phần mềm QLTBDH	1	1
19	Phần mềm KĐCLGD	1	0
20	Phần mềm QLTS	1	2
21	Phần mềm GADDT	3	
22	Hệ thống họp trực tuyến	1	1
23	Phòng thí nghiệm Hóa		
	Bàn ghế	12	8
	Tủ đựng thiết bị	2	0
	Tủ đựng hóa chất	1	1
24	Phòng thí nghiệm Lí		
	Bàn ghế	12	8
	Tủ đựng thiết bị	2	1
25	Phòng thí nghiệm Sinh		
	Bàn ghế	12	8
	Tủ đựng thiết bị	2	1

- Thiết bị dạy học các môn học

Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Tổng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 10	16	12
1.2	Khối lớp 11	16	12
1.3	Khối lớp 12	16	2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	4	4
2.2	Khối lớp 11	14	4
2.3	Khối lớp 12	14	14

3. Sách, tài liệu

a) Danh mục sách giáo khoa

- Môn Hóa học: bộ sách Chân trời sáng tạo.
- Môn Lịch sử: bộ sách Cánh Diều.
- Các môn khác: bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

b) Số lượng

- Sách giáo khoa: 755 cuốn gồm chương trình GDPT 2006 và 2018:
 - + Khối 10: 104 cuốn CT 2018 CT và 147 cuốn CT 2006.
 - + Khối 11: 107 cuốn CT 2018 và 171 cuốn CT 2006.
 - + Khối 12: 442 cuốn CT 2018 và 134 cuốn CT 2006,
- Sách tham khảo: 997 cuốn.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Tự đánh giá:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	x			
Tiêu chí 1.2		X		-----
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		-----
Tiêu chí 1.8			x	-----
Tiêu chí 1.9	x			-----
Tiêu chí 1.10	x			-----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2				x

Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4			x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				x
Tiêu chí 4.2			x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3			x	-----
Tiêu chí 5.4			x	-----
Tiêu chí 5.5				x
Tiêu chí 5.6				x

Kết quả: Không đạt Mức 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:
Chưa thực hiện

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh đầu năm	1101	379	331	391
	Bình quân học sinh/lớp	41.4	42.1	40.2	42.1
II	Số học sinh cuối năm	1090	374	328	388
III	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1,090	374	328	388
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	92.94%	92.25%	92.38%	94.07%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	5.78%	6.15%	6.10%	5.15%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.73%	0.53%	0.91%	0.77%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.55%	1.07%	0.61%	0.00%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1,090	374	328	388
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	51.38%	38.77%	57.01%	58.76%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	33.30%	36.36%	29.27%	33.76%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	15.14%	24.60%	13.41%	7.47%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.18%	0.27%	0.30%	0.00%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1,090	374	328	388
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	135.05%	98.93%	99.39%	100.00%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	15.69%	4.55%	23.17%	20.10%

b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	35.69%	34.22%	33.84%	38.66%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.10%	3.21%	0.00%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.55%	1.07%	0.61%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.09%	0.27%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
VI	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	30	2	3	25
1	Cấp tỉnh/ thành phố	30	2	3	25
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
VII	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	388	0	0	388
VIII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0
X	Số học sinh nữ	558	194	172	192
XI	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1
XII	Tuyển sinh		379		
XII	Học sinh trúng tuyển đại học				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2024

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên:

Số dư năm trước chuyển sang	: 132.071.117 đồng
Số được giao trong năm	: 8.782.606.000 đồng
Số đã sử dụng trong năm	: 8.914.677.117 đồng
Số hủy bỏ trong năm	: 0 đồng
Trích lập các quỹ	: 176.535.993 đồng
Chi thu nhập tăng thêm	: 81.830.000 đồng
Chuyển nguồn sang 2024	: 0 đồng
Chuyển CCTL sang 2024	: 0 đồng

- Nguồn ngân sách chi không thường xuyên:

Số dư năm trước chuyển sang	: 0 đồng;
Số được giao trong năm	: 3.301.671.000 đồng;
Số đã sử dụng trong năm	: 2.587.543.842 đồng;

Số hủy bỏ cuối năm	:	170.999.158 đồng;
Chuyển nguồn sang 2024	:	543.128.000 đồng.
- Nguồn thu dịch vụ được để lại:		
+ Nguồn thu học phí:		
Năm trước chuyển sang (CCTL:)	:	542.355.635 đồng
Tổng số giao đầu năm	:	856.200.000 đồng
Trong đó: Thu từ HS	:	840.100.000 đồng
Cấp bù học phí	:	16.100.000 đồng
Thu bổ sung từ NS NQ26	:	274.176.000 đồng
Số thực thu trong năm	:	898.610.000 đồng
Trong đó: Thu từ HS	:	614.511.000 đồng
Cấp bù học phí NĐ81	:	11.435.000 đồng
Thu từ NS NQ26	:	272.664.000 đồng
Số được sử dụng trong năm	:	1.440.965.635 đồng
Số đề nghị quyết toán	:	945.745.635 đồng
Trong đó: Chi lương	:	631.582.256 đồng
Chi mua sắm SC	:	58.530.000 đồng
Chi hoạt động	:	255.633.379 đồng
Số còn lại chuyển năm sau	:	500.000.000 đồng
+ Nguồn thu dạy thêm học thêm		
Năm trước chuyển sang	:	29.508.795 đồng
Số thu trong năm	:	0 đồng
Số đề nghị quyết toán	:	290.771 đồng
Trong đó: Chi lương	:	0 đồng
Chi nộp thuế NN	:	290.771 đồng
Chi hoạt động khác	:	0 đồng
Số còn lại chuyển năm sau	:	29.218.024 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Miễn học phí: 12.
- Giảm 50% học phí: 2.
- Hỗ trợ chi phí học tập (1 hộ nghèo, 8 khuyết tật, 1 mồ côi cha mẹ): 10.

3. Số dư các quỹ (tồn quỹ 2024):

TT	Loại quỹ	Số tiền (ĐVT: Đồng)	Ghi chú
1	Chữ thập đỏ	1.000.000	
2	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	138.236.783	
3	Khuyến học	11.300.000	
4	Phụng dưỡng Mẹ VNAH	0	
5	Văn nghệ	0	

6	Phúc lợi	2.539.274	
7	Quỹ khen thưởng	2.752.759	
8	Quỹ PTHĐSN	38.964.102	
9	Khác (Chi hộ,...)	14.241.492	
10	Thành phố hỗ trợ	2.100.703	
11	Dạy thêm, học thêm (Số dư cuối năm 2023 chuyển sang)	29.218.024	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đúng với các văn bản chỉ đạo về quy trình thực hiện, quan điểm, mục tiêu, tổ chức thực hiện và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng dẫn.

2. Công tác chính trị, tư tưởng, học sinh

Thực hiện đa dạng các hình thức nhằm giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường.

3. Tổ chức, tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

- Đơn vị đã tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường các môn Toán, Hóa học, văn, Tin học 04/04 giáo viên được công nhận GVDG; thi khoa học kỹ thuật cấp trường với 05 dự án; thi Văn học – Học văn và tài năng Tiếng Anh cho học sinh toàn trường tham gia; triển khai cuộc thi ATGT cho nụ cười ngày mai; thi Rung chuông vàng kiến thức các môn học, kiến thức pháp luật...

- Tham gia các cuộc thi, kỳ thi, hội thi do Sở GDĐT tổ chức: tham gia 100% các cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức gồm thi học sinh giỏi, thi sáng tạo khoa học – kỹ thuật, Hùng biện câu chuyện đạo đức Pháp luật. Tất cả các cuộc thi tham gia đều đạt giải.

4. Công tác tổ chức - cán bộ

- Phân công, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng nhằm tăng cường năng lực.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động.

5. Công tác kế hoạch - tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện

- Xây dựng kế hoạch tài chính năm 2025 và 3 năm 2025-2027; kế hoạch trung hạn xây dựng cơ sở vật chất, thư viện đạt chuẩn.

- Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai.

6. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục

Đơn vị đã cập nhật, bổ sung thông tin về trường lớp, đội ngũ, học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý vn.edu; triển khai thực hiện hồ sơ điện tử; tiếp tục xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra, đánh giá học sinh...

Quản triệt, tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, luật an ninh mạng, các văn bản hướng dẫn về sử dụng mạng an toàn, đảm bảo an ninh, an toàn trong dạy học trực tuyến...

Tăng cường các điều kiện vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số như máy tính, mạng internet có dây và không dây, các phần mềm ứng dụng trong quản lý và dạy học.

7. Công tác kiểm tra nội bộ

Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra đúng quy trình, trọng tâm, trọng điểm. Đã kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo 10 giáo viên, kiểm tra chuyên đề 25 giáo viên; kiểm tra 4/4 tổ, nhóm chuyên môn. Các cuộc kiểm tra đạt tỉ lệ 100%.

8. Công tác thi đua-khen thưởng

Phát động và thực hiện các phong trào thi đua trong năm học gắn với các chủ điểm. Tổng kết, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể đạt thành tích, tạo sự động viên, khích lệ đối với đội ngũ và học sinh. Cuối năm học 12/62 viên chức, người lao động xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tỉ lệ 20%); có 49/62 viên chức, người lao động xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (tỉ lệ 79,03%); có 1/62 viên chức, người lao động xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (tỉ lệ 1,61%)./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Nam (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các Tổ CM, Tổ VP;
- Công khai Website;
- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Quang